

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.
Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/042005 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/11/2012)*



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	: 1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	: 12.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính : 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : (84.8) 3832 8964 Fax: (84.8) 38342957

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
NĂM 2017

*(Ban hành theo thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ tài Chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	: No 4 printing joint stock company
Tên viết tắt	: IN4 JSC
Giấy chứng nhận doanh nghiệp	: 0300462580
Vốn điều lệ	: 12.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 12.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Lô B2/1, đường số 2A, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại	: (028) 37658901 - (028) 37658908
Fax	: (028) 37658902
E-mail	: ctcpin4@gmail.com
Website	: inso4.com
Mã cổ phiếu	: IN4

(Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 30/03/2018)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 05/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong ngành và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tin nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, Bộ Văn hóa Thông tin, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh...

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại

sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bết hộp, mạ nhũ vàng.

Địa bàn kinh doanh: Phạm vi kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trong đó chủ yếu là tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: Cao nhất là Đại hội đồng cổ đông, kế tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động công ty giữa 2 kỳ đại hội. Bên cạnh đó tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty luôn được đề cao thể hiện qua việc mọi thành viên trong công ty đều có thể bày tỏ ý kiến để đóng góp xây dựng vào quá trình vận hành của doanh nghiệp nhằm giúp công ty đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh sản xuất.

Tổ chức kinh doanh: Chú trọng vào công việc sản xuất chính là tổ chức sản xuất và cung ứng các sản phẩm về In và các dịch vụ ngành In có liên quan.

Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của công ty:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng ban, phân xưởng trực thuộc.

5. Định hướng phát triển

✚ Duy trì và củng cố nguồn việc hiện có trên cơ sở tận dụng uy tín vốn có đối với các khách hàng truyền thống và cố gắng khai thác thêm nguồn việc mới, khách hàng mới.

✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ bằng cách tiếp cận và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại công nghệ cao.

✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

6. Các rủi ro:

Nằm trong tình trạng chung của các doanh nghiệp hiện đang hoạt động, công ty cũng gặp rủi ro lớn nhất là tình hình chiếm dụng vốn và phát sinh công nợ dây dưa, thậm chí có khả năng mất vốn đã đầu tư sản xuất. Để khắc phục, doanh nghiệp chú trọng đến việc tìm hiểu, điều tra năng lực các khách hàng mới đồng thời hạn chế tối đa trong việc cho đối tác nhận hàng trước khi thanh toán.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong Công ty đã đoàn kết và nỗ lực khai thác nguồn việc, nguồn cung ứng vật tư để tổ chức và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao. Kết quả thu được trong năm vừa qua được thể hiện trong bảng số liệu sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Năm 2017		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016	KH 2017
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5
1	Giá trị tổng SL (GCD 1994)	Triệu đồng	29.064	26.000	29.498	102	114
2	Sản phẩm (Trang in 13 x 19)	Triệu trang	5.294	4.800	5.090	96	106
	Trong đó : Sản xuất chủ yếu	'	5.294	4.800	5.090	100	106
3	Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	Triệu đồng	51.477	46.500	48.884	95	105
	Trong đó : - Sản xuất CN	'	51.477	46.500	48.884	95	105
4	Lợi nhuận trước thuế	'	8.604	7.350	10.290	120	140
5	Tỷ lệ cổ tức (*)	%	30	25	50	167	200

(*) Tỷ lệ cổ tức từ SXKD năm 2017 dự kiến là 50% và sẽ được phê duyệt chính thức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

* Riêng về cổ tức phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Q3, TP. HCM đã được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt là 30.000đ/cổ phần nhưng tại thời điểm hiện tại do bên nhận chuyển nhượng là Công ty Hartexco chưa thể đăng bộ sang tên nên việc chi trả không đúng tiến độ ghi trong Nghị quyết. Công ty cổ phần In số 4 đang cố gắng đẩy nhanh tiến độ công tác này, hy vọng có thể đủ điều kiện chi trả cho các cổ đông trước khi tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

Chúng tôi nhận thấy việc chậm trễ nêu trên dù xuất phát từ nguyên nhân khách quan là do thủ tục tiếp nhận và thực hiện việc đăng bộ mới tại các cơ quan nhà nước nhưng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát cũng xin nhận thiếu sót và sẽ cố gắng theo đúng kế hoạch vừa nêu trên - thực hiện trước khi Đại hội cổ đông năm 2018.

a/ Lợi nhuận thực hiện trong năm đạt và vượt rất nhiều so với thực hiện năm trước cũng như kế hoạch năm nay – năm 2017 – mà Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã giao. Kết quả này có phần đóng góp không nhỏ từ doanh thu tài chính của khoản tiền tạm ứng mà Hartexco đã chi theo hợp đồng và thỏa thuận giữa hai bên về việc chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, quận 3.

Cũng từ số lợi nhuận vượt mức nêu trên, doanh nghiệp có điều kiện tăng cao thu nhập cho tất cả đối tượng có liên quan:

- Thuế VAT, thuế TNDN cho ngân sách
- Cổ tức năm 2017 cho các cổ đông
- Thu nhập cho người lao động

b/ Số lao động bình quân hiện nay là 145 người nhưng sẽ có biến động nhiều, nhất là đối với các nhân viên quản lý và phụ trợ sản xuất tại các phân xưởng sản xuất khi hoàn thành kế hoạch di dời tập trung vào KCN Vĩnh Lộc ở thời điểm 6 tháng đầu năm 2018.

Đối với số lao động dôi dư này, doanh nghiệp sẽ cố gắng tối đa trong việc minh bạch và công bằng khi tiến hành sắp xếp lại, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng và đủ quyền lợi của người lao động theo các quy định hiện hành.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số cổ phiếu	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Do	1954	Giám đốc	5.200	
2	Phạm Trần Thọ	1960	Phó giám đốc	2.100	
3	Phan Chí Trung	1960	Phó giám đốc	9.800	
4	Trần Thị Hạnh	1961	Kế toán trưởng	9.200	

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: Không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Lực lượng lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm 2017 của Công ty là 145 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

b) Chính sách cho người lao động

Chính sách đào tạo: Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5.

Chính sách tiền lương: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất).

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế khen thưởng và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kẽm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt gần 500 triệu đồng.

Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, chúng tôi xin trình bày các việc đã làm được của Bản kế hoạch hợp tác kinh doanh mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 qua hình thức chuyển nhượng thương quyền của mặt bằng và việc di dời tập trung các PX sản xuất về một mối trong khu công nghiệp như sau :

3.1/ Chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 cho các nhà đầu tư:

Kế hoạch chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, quận 3 và di dời tập trung các phân xưởng sản xuất về một mối trong KCN Vĩnh Lộc, đến thời điểm hiện nay đã thực hiện được các bước sau:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 và Nghị quyết năm 2017, Doanh nghiệp đã ký với Công ty Hartexco các văn bản sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất có giá trị 40 tỷ đồng (chưa tính thuế VAT) tại phòng công chứng Bến Nghé ngày 10/5/2017.

- Văn bản thỏa thuận về hỗ trợ chi phí di dời, ổn định sản xuất cho người lao động và giá trị lợi thế của mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, quận 3 có giá trị 110 tỷ đồng (chưa tính thuế VAT) tại phòng công chứng Bến Nghé ngày 10/05/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng trên, theo Hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần In số 4 cần chuyển đổi hình thức thuê đất đến năm 2055 từ trả tiền hàng năm sang trả tiền một lần. Từ yêu cầu này, doanh nghiệp đã Thực hiện các bước và nhận được văn bản: ***Quyết định chấp thuận của UBND thành phố Hồ Chí Minh*** mang số 6617/QĐ-UBND ngày 27/12/2017. Như đã thỏa thuận ban đầu, toàn bộ chi phí phát sinh cho công việc này vẫn do Công ty Hartexco chi trả.

Theo đánh giá từ Hartexco, thì việc chuyển nhượng và sang tên cho Hartexco sẽ được thực hiện xong trong quý 2 năm 2018. Đồng thời về phía Công ty cổ phần In Số 4 sẽ cố gắng bàn giao toàn bộ mặt bằng cho Công ty Hartexco trước tết Nguyên đán hoặc chậm nhất là ngày 30/3/2018.

Về mặt thanh toán, chúng ta đã được Hartexco chi trả số tiền 100 tỷ đồng vào ngày 11/5/2017 (chưa tính số tiền thuế VAT phát sinh), số còn lại là 50 tỷ đồng sẽ được chi trả khi thủ tục đăng bộ sang tên cho Hartexco đã hoàn thành và ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường, dự kiến thực hiện chậm nhất cho công việc này là ngày 30/6/2018.

Kết luận: bản thanh lý toàn bộ các nội dung có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng sẽ được hai bên thảo luận và thông qua chậm nhất là ngày 01/06/2018. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thì văn bản này sẽ là cơ sở pháp lý để doanh nghiệp có thể chi cổ tức cho các cổ đông cũng như chi hỗ trợ người lao động từ thu nhập của hợp đồng chuyển nhượng này.

b/ Kế hoạch di dời toàn bộ các phân xưởng sản xuất vào mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc:

Bước 1: Đã ký kết thông qua việc đấu thầu theo hình thức chào giá cạnh tranh Hợp đồng nhận chuyển nhượng một mặt bằng đã có nhà xưởng của Công ty TNHH SX&TM

Trường Thịnh có giá trị 30.5 tỷ đồng (chưa tính thuế VAT) với diện tích khuôn viên là 5.000m² trong KCN Vĩnh Lộc có hình thức thuê đất trả tiền 1 lần đến năm 2047 (Công ty Trường Thịnh đã chi trả), Đến ngày 04/05/2017 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mặt bằng này đã được sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần In số 4 theo văn bản sau: GCN số CI 320709.

Nhằm mục đích cải tạo và sửa chữa mặt bằng nhà xưởng do Công ty Trường Thịnh bàn giao ngày 15/09/2016 cho phù hợp với nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với các quy định hiện hành trong công tác xây dựng, Công ty Cổ phần In số 4 đã thực hiện các công việc sau:

Bước 2: Tiến hành kiểm định tải trọng của công trình nhất là các diện tích trên lầu qua hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Kiểm định Xây dựng AD SaiGon với các nội dung sau:

- + Khảo sát hiện trạng công trình và kích thước các cầu kiện chịu lực.
- + Lấy mẫu sàn tại hiện trường và thí nghiệm nén mẫu tại phòng thí nghiệm để xác định cường độ bê tông sàn.
- + Kiểm định khả năng chịu lực của các sàn hiện hữu để thay đổi công năng thành sàn của phân xưởng sản xuất hoặc kho chứa giấy.

Tổng trị giá hợp đồng kiểm định: 40 triệu đồng (chưa tính thuế VAT).

Căn cứ vào kết quả kiểm định nêu trên, doanh nghiệp đã:

Bước 3: Ký kết hợp đồng khảo sát và thiết kế bản vẽ kỹ thuật và bản vẽ thi công việc cải tạo sửa chữa toàn bộ văn phòng nhà xưởng hiện hữu cho phù hợp nhu cầu doanh nghiệp với Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng SaiGon Đông Tây theo nội dung sau:

- + Khảo sát đánh giá hiện trạng
- + Lập phương án thiết kế
- + Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công và dự toán công trình.

Tổng trị giá hợp đồng thiết kế là 120 triệu đồng (chưa tính thuế VAT).

Bước 4: Ký Hợp đồng Tư Vấn Giám sát Thi công Xây dựng Công trình với thời gian từ 4 → 5 tháng với Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng TP.HCM (ACCCo) nhằm đảm bảo chất lượng công trình đúng theo các yêu cầu của doanh

nghiệp trên cơ sở hồ sơ thiết kế, hồ sơ kiểm định cũng như quá trình thi công thực tế tại công trường.

Tổng giá trị Hợp đồng tư vấn giám sát trong thời gian 5 tháng là 90 triệu (chưa tính thuế VAT)

Bước 5: Trên cơ sở tài liệu thiết kế bản vẽ kỹ thuật và bản vẽ thi công và dự toán công trình do Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Sài Gòn Đông Tây lập, doanh nghiệp đã ký hợp đồng giao nhận thi công cải tạo và sửa chữa nhà xưởng văn phòng làm việc với Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định là đơn vị đã thực hiện 2 công trình sửa chữa cho mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, Quận 3 và mặt bằng 59/6 Phan Đăng Lưu, phường 7, Quận Phú Nhuận trong thời gian trước đây cho doanh nghiệp.

Công trình sửa chữa và cải tạo được thực hiện theo nguyên tắc đã trình bày và được thông qua tại Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 như sau:

- Đấu thầu theo hình thức chào giá cạnh tranh cho bộ phận nhân công.
- Toàn bộ vật tư sử dụng sẽ do Công ty Cổ phần In số 4 cung cấp nhằm giảm bớt chi phí vật tư do phải qua các khâu trung gian, đồng thời quản lý được giá cả lẫn chất lượng vật tư của từng hạng mục công trình.

Tổng giá trị Hợp đồng chi phí nhân công đã ký theo Bản vẽ thiết kế là 850.627.071 đồng (chưa tính thuế VAT), Đến thời điểm hiện nay, việc quyết toán khối lượng công việc thực tế đã thi công đang được doanh nghiệp, tư vấn giám sát, đơn vị thi công Tam Quan Bình Định cùng làm việc một cách chặt chẽ, minh bạch để xác định chi phí nhân công thực tế của công trình (Đặc biệt là các hạng mục phát sinh thêm theo yêu cầu thực tế tại công trường cho quá trình sửa chữa).

Riêng về khối lượng và giá trị vật tư cung cấp hiện nay đã phát sinh hơn 3 tỷ trong đó một số hạng mục cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau này còn chưa thi công hoặc chưa thi công xong là:

1. Chi phí vận chuyển, lắp đặt toàn bộ máy móc thiết bị từ các PX về KCN.
2. Chi phí làm mới bảng hiệu tên doanh nghiệp.
3. Chi phí lắp đặt và vận hành hệ thống Camera và báo trộm tự động.
4. Chi phí cho hệ thống báo cháy tự động và chữa cháy tự động.
5. Chi phí nhân công thực tế toàn bộ công trình cho Tam Quan Bình Định.

Trong đó khoản mục số 1 số 4 và số 5 là tương đối lớn do đảm bảo an toàn và quy định riêng có của bộ phận phòng cháy chữa cháy tại địa phương.

Kết quả: sau quá trình cải tạo và sửa chữa được trình bày ở trên, hiện nay mặt bằng đã sẵn sàng và đáp ứng được hầu như toàn bộ các yêu cầu về kỹ thuật và yêu cầu riêng biệt của ngành in để doanh nghiệp có thể di dời và đưa vào sản xuất toàn bộ các phân xưởng hiện hữu.

Đến thời điểm hiện nay, gần như toàn bộ các phân xưởng và khối quản lý đã tập trung về mặt bằng này và quá trình sản xuất đã dần đi vào nề nếp, riêng phân xưởng thành phẩm sẽ được di dời sau khi thực hiện xong hợp đồng in sách giáo khoa trúng thầu năm 2018.

5/ Các hoạt động khác:

a) Về tình hình máy móc thiết bị: Trong nhiều năm qua do tình trạng mặt bằng nhỏ lẻ và manh mún, đồng thời lệ thuộc vào kế hoạch di dời tập trung các phân xưởng sản xuất đã nói ở trên nên công việc trang bị thêm máy móc thiết bị mới có năng suất, chất lượng sản phẩm ở mức độ cao theo yêu cầu của thị trường đã không thể thực hiện được.

Hiện nay, tình trạng trên đã được khắc phục trọn vẹn nên trong năm 2018 và các năm sau này HDQT, BÐH và BKS sẽ đẩy nhanh việc trang bị thêm máy móc thiết bị mới nhất là ở khâu sau in nhằm nâng cao doanh thu và hiệu quả trong sản xuất.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	83.596.625.686	129.833.771.616	155
Doanh thu thuần	49.108.634.286	44.348.670.162	90
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.022.933.017	9.879.510.654	123
Lợi nhuận khác	580.776.030	40.412.954.000	6958
Lợi nhuận trước thuế	8.603.709.047	50.292.464.654	585
Lợi nhuận sau thuế	6.882.967.238	40.233.971.723	585

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,89	1,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,88	1,41	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,52	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,16	1,09	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	39,93	45,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,59	0,34	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,91	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,65	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,31	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,16	0,22	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Tại thời điểm 26/10/2017 theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam số 1161/2017-IN4/VSD-ĐK)

a/ Cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.200.000	100%
Cổ phần phổ thông	1.200.000	100%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.200.000	100%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0

b/ Cơ cấu cổ đông

Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	614.610	51%
Cổ đông cá nhân	585.390	49%
Cộng	1.200.000	100%
Cổ đông Nhà nước	540.000	45%
Cổ đông trong nước	615.000	51,2%
Cổ đông nước ngoài	45.000	3,8%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2017, vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan

a/ Thuận lợi

* Nguồn việc tương đối đầy đủ trên cơ sở các khách hàng truyền thống lâu năm vẫn hết sức tín nhiệm doanh nghiệp qua việc ký kết các hợp đồng gia công in của năm 2017 đối với mặt hàng chủ lực là các loại vé số truyền thống. Ngoài ra kể từ tháng 10 năm 2017, được sự phê duyệt của Bộ tài chính, các công ty xổ số kiến thiết đã được phép nâng sản lượng vé thêm 12%, đây thực sự là tin vui cho các nhà in, trong đó Công ty Cổ phần In số 4 cũng không ngoại lệ.

* Kế hoạch hợp tác đầu tư trong năm theo phương án chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, quận 3 và mua một mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc để di dời tập trung toàn bộ các phân xưởng đã đi được 2/3 đoạn đường; Hy vọng toàn bộ kế hoạch này sẽ hoàn thành chậm nhất trong quý 2 năm 2018.

* Vật tư nguyên vật liệu dồi dào phong phú và không có biến động, kết quả này có được là do tốc độ trượt giá trong năm của cả nền kinh tế Việt Nam là không đáng kể. Ngoài ra doanh nghiệp còn chủ động tìm tòi và tiếp cận được các loại nguồn vật tư ngoại nhập có xuất xứ Châu Âu với giá thành hạ hơn nhưng chất lượng tương đương hoặc cao hơn loại hiện có như mực, bản kẽm.... các loại.

* Ban lãnh đạo công ty và tập thể người lao động luôn đoàn kết tích cực trong công tác, tinh thần bám máy bám việc được duy trì ở mức cao nhất nhằm có thể đáp ứng một cách tốt đẹp cho các sản phẩm cả về chất lượng, số lượng cũng như thời gian giao hàng mà khách hàng đã đề ra.

b/ Khó khăn

Nhằm thực hiện kế hoạch di dời toàn bộ các phân xưởng sản xuất vào một mới trong KCN Vĩnh Lộc nên trong năm 2017, doanh nghiệp đã chủ động giảm bớt sản lượng sản xuất bằng việc không nhận và ký kết hợp đồng đối với sản phẩm Sách giáo Khoa và Lịch Bloc các loại. Đây chính là nguyên nhân làm sản lượng sản xuất cũng như doanh thu năm 2017 thấp hơn năm trước. Tuy nhiên các mặt hàng này cũng không đóng góp gì nhiều cho hiệu quả SXKD trong kỳ của doanh nghiệp do đơn giá công in phải thực hiện theo giá của khách hàng đề nghị.

* Mặt bằng chật hẹp manh mún tác động rất nhiều đến việc đầu tư thêm máy móc thiết bị mới cho cả hai khâu in và sau in cũng như kho bãi để nhập giấy do các công ty khách hàng mang lại. Để hạn chế bớt khó khăn này, doanh nghiệp phải tiến hành đàm phán và ký gởi khối lượng giấy trên nơi các nhà cung cấp mặc dù gặp nhiều rủi ro và không chủ động trong việc đáp ứng vật tư cho sản xuất.

1. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản ngắn hạn	96,178,021,938	50.658.942.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.550.956.560	45.442.854.046
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.124.673.924	2.857.381.054
Hàng tồn kho	502.391.454	896.573.697

Tài sản ngắn hạn khác	-	1.462.133.500
Tài sản dài hạn	33.655.749.678	32.937.683.389
Tài sản cố định	31.002.799.992	32.937.683.389
Tài sản dở dang dài hạn	2.652.949.686	-
Tổng tài sản	129.833.771.616	83.596.625.686

b/ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2017	01/01/2017
Nợ ngắn hạn	67.804.788.872	57.120.488.465
Phải trả người bán	151.173.530	211.084.150
Người mua trả tiền trước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	584.412.309	323.815.976
Phải trả người lao động	3.545.007.838	3.693.539.036
Chi phí phải trả	40.500.000	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	60.104.087.100	50.136.061.208
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.379.608.095	2.755.988.095
Nợ dài hạn	-	-
Nợ phải trả	67.804.788.872	57.120.488.465

c/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Không có.

d/ Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2017		Kế hoạch năm 2018	So sánh (%)		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện		KH2017/ KH2016	KH2017/ TH2016	
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2	6
1/ Giá trị TSL (GCD)	Tr. đồng	26.000	29.498	27.000	104	92	
2/ Sản lượng trang in (13x19)	Tr.Trang	4.800	5.090	4.600	96	90	
3/ Tổng doanh thu bán hàng và	Tr. đồng	46.500	48.884	45.000	97	92	
4/ Tổng lợi nhuận trước thuế	“	7.350	10.292	8.450	115	82	
5/ Tổng lợi nhuận sau thuế	“	5.880	8.233	6.760	115	82	
6/ Các khoản nộp ngân sách	“	4.390	5.313	5.400	123	102	
7/ Tổng số lao động	Người	150	145	140	93	97	
8/ Thu nhập bình quân	Tr. đồng	9,3	11,5	10,2	110	89	
9/ Phân phối lợi nhuận	Tr. đồng						Theo
- Quỹ khen thưởng + Phúc lợi	“	1.000	1.000	1.000	100	100	Điều
- Cổ tức cổ đông	“	3.000	6.000	3.600	100	83	lệ
- Tỷ lệ cổ tức	%	25	50	30	120	60	Cty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

a/ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Lợi nhuận thực hiện trong năm đạt và vượt rất nhiều so với thực hiện năm trước cũng như kế hoạch năm nay – năm 2017 – mà Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã giao. Kết quả này có phần đóng góp không nhỏ từ doanh thu tài chính của khoản tiền tạm ứng mà Hartexco đã chi theo hợp đồng và thỏa thuận giữa hai bên về việc chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, quận 3.

Cũng từ số lợi nhuận vượt mức nêu trên, doanh nghiệp có điều kiện tăng cao thu nhập cho tất cả đối tượng có liên quan:

- Thuế VAT, thuế TNDN cho ngân sách
- Cổ tức năm 2017 cho các cổ đông
- Thu nhập cho người lao động

- Số lao động bình quân hiện nay là 145 người nhưng sẽ có biến động nhiều, nhất là đối với các nhân viên quản lý và phụ trợ sản xuất tại các phân xưởng sản xuất khi hoàn thành kế hoạch di dời tập trung vào KCN Vĩnh lộc ở thời điểm 6 tháng đầu năm 2018.

Đối với số lao động dôi dư này, doanh nghiệp sẽ cố gắng tối đa trong việc minh bạch và công bằng khi tiến hành sắp xếp lại, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng và đủ quyền lợi của người lao động theo các quy định hiện hành.

b/ Quản lý và sử dụng vốn, tài sản :

Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2017 đạt mức rất cao hơn 92.5 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đạt hơn 60 tỷ đồng tương ứng gấp 5 lần vốn điều lệ ban đầu mà các cổ đông đã giao.

Với các số liệu này, chúng ta có thể thấy nguồn vốn chủ sở hữu luôn được quan tâm và quản lý chặt chẽ, chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính và không để phát sinh công nợ dây dưa khó đòi dẫn đến mất vốn.

Đặc biệt, khoản tiền tạm ứng 1 tỷ đồng để mua 1 ha đất trong KCN Hoàng Gia Long An đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu của doanh nghiệp, khoản tiền trên và số lãi phát sinh được Chi Cục Thi Hành án Tỉnh Long An giải quyết dứt điểm trong năm 2018 này.

c/ Hoạt động chăm lo đời sống người lao động:

Bản Thỏa ước Lao động tập thể được ký kết giữa đại diện người sử dụng lao động và chủ tịch công đoàn nhằm đảm bảo các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định hiện hành luôn được Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện đầy đủ và đúng hạn.

Ngoài ra các chế độ BHXH, BHYT, BHTN.... bồi dưỡng độc hại và bảo hộ lao động cho từng người lao động cũng được duy trì và thực hiện tốt như các năm trước đây.

Bên cạnh việc thực hiện vượt mức chi cổ tức cho các cổ đông, đời sống và thu nhập cho tập thể người lao động cũng luôn được doanh nghiệp quan tâm và cố gắng. Kết quả thu nhập bình quân hàng tháng cho người lao động thực hiện vượt mức kế hoạch 24% đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 giao.

5/ Các hoạt động khác:

b) Về tình hình máy móc thiết bị: Trong nhiều năm qua do tình trạng mặt bằng nhỏ lẻ và manh mún, đồng thời lệ thuộc vào kế hoạch di dời tập trung các phân xưởng sản xuất đã nói ở trên nên công việc trang bị thêm máy móc thiết bị mới có năng suất, chất lượng sản phẩm ở mức độ cao theo yêu cầu của thị trường đã không thể thực hiện được.

Hiện nay, tình trạng trên đã được khắc phục trọn vẹn nên trong năm 2018 và các năm sau này HĐQT, BDH và BKS sẽ đẩy nhanh việc trang bị thêm máy móc thiết bị mới nhất là ở khâu sau in nhằm nâng cao doanh thu và hiệu quả trong sản xuất.

b) Các hoạt động của Đảng và Đoàn thể:

- Đảng bộ công ty luôn phối hợp cùng Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như kế hoạch hợp tác đầu tư do ĐHCĐ thường niên năm 2017 giao.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng để Đảng bộ và từng đảng viên hoàn thành tốt công việc được giao. Công tác phát triển đảng luôn được quan tâm nhất là ở khâu trực tiếp sản xuất, trong năm vừa qua đã kết nạp thêm một đảng viên mới.

- Tổ chức công đoàn luôn duy trì được tinh thần hoạt động tích cực trong các nhiệm vụ được nhà nước quy định, sử dụng và phát huy chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho toàn thể người lao động bằng việc ký kết và thực hiện đầy đủ kịp thời các nội dung trong bản Thỏa ước Lao động tập thể. Ngoài ra căn cứ vào khả năng thực tế, công đoàn đã thực hiện chăm lo trợ cấp cho những đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn; Trong các hoạt động phong trào, công đoàn luôn thể hiện vai trò của mình thông qua việc tổ chức các hoạt động, vui chơi bổ ích giúp người lao động vui vẻ, đoàn kết và gắn bó với nhau hơn trong quá trình công tác.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát đã phối hợp với các bộ phận chuyên môn có liên quan nhằm xây dựng hệ thống Thang bảng lương mới trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng nhằm đáp ứng các yêu cầu hiện nay của nhà nước trong việc thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN...

Công tác này được thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc: phiên ngang và không gây xáo trộn từ hệ thống thang bảng lương hiện tại sao cho phù hợp với mức lương tối thiểu và các quy định hiện hành.

6/ Một số mặt tồn tại và thiếu sót:

- Tiến độ triển khai và thực hiện Kế hoạch chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 và di dời các Phân xưởng vào mặt bằng mới trong KCN Vĩnh Lộc không đúng theo kế hoạch đã đề ra (trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017) là do:

Thứ 1: Doanh nghiệp phải thay đổi hình thức thuê đất sang trả tiền 1 lần đến thời gian 2055 cho mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3.

Thứ 2: Công tác cải tạo sửa chữa mặt bằng trong KCN cũng kéo dài thời gian do phải thay đổi thiết kế hoặc biện pháp thi công nhằm đạt kết quả cao nhất cho quá trình sử dụng mặt bằng sau này.

Tuy các nguyên nhân trên là **khách quan, ngoài dự kiến**, nhưng Hội đồng quản trị, Ban điều hành xin nhận thiếu sót và hứa sẽ thực hiện trọn vẹn bản kế hoạch này trong đó đặc biệt là việc phân phối thu nhập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 chậm nhất là trong quý 2/2018 cho các cổ đông và toàn thể người lao động.

- Công tác thu hồi công nợ và thanh lý Hợp đồng mua 1 ha đất trong KCN Hoàng Gia Long An mặc dù đến thời điểm hiện nay là chưa xong nhưng qua buổi làm việc ngày 11/01/2018 giữa doanh nghiệp và các cơ quan có trách nhiệm của Tỉnh Long An, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát chúng tôi xin hứa sẽ giải quyết trong năm 2018 tồn tại duy nhất này vốn đã phát sinh từ hơn 10 năm nay.

- Việc tăng doanh thu cho sản phẩm in kỹ thuật số vẫn chưa được khả quan, do nguồn việc không nhiều, đồng thời giá cả cạnh tranh trên thị trường rất khốc liệt và không công bằng.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban giám đốc Công ty đã có sự quan tâm chỉ đạo sát sao ngay từ đầu năm, thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy những kết quả đạt được của năm 2016; đồng thời đã khắc phục những thiếu sót còn tồn tại để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở những thuận lợi của nền kinh tế Việt Nam cũng như các đặc thù riêng có của Công ty Cổ phần In số 4 trong năm 2017, bước sang năm 2018 nguồn việc chủ yếu của doanh nghiệp vẫn dựa vào các khách hàng thân thiết lâu năm hiện có, thể hiện qua các hợp đồng gia công in cho cả năm đã được các bên ký kết trong thời gian cuối năm 2017 và đầu năm 2018.

Từ kết quả này, chúng tôi dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018 sẽ mang tính ổn định và có tăng trưởng so với kế hoạch cũng như thực hiện của năm trước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01.	Ông Phan Chí Trung	9.800	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	5.200	Phó chủ tịch HĐQT. Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	2.100	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	9.200	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	4.550	Thành viên Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2017 là 2.000.000 đồng/người/tháng.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên có nhiệm kỳ 05 năm Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số CP</u>	<u>Chức danh</u>
01	Bà Lê Thị Thu Nguyệt	100	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	-	Thành viên Ban Kiểm
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	1.970	Thành viên Ban Kiểm

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017:

- Kiểm soát chiến lược:

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.

- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.

- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT, Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- Kiểm soát hoạt động:

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01 lần/năm)

- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.

- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý

của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập để thực hiện báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2017 là 2.000.000 đồng /người/tháng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06/10/2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005. Công ty đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất bản cấp ngày 28/10/2005.

Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8357465848 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp cho dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần In số 4 tại Lô B2/1, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh:

Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

Mã chứng khoán niêm yết (UpCOM): IN4

Trụ sở chính: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chí Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Do	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Trần Thọ	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Nhanh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (tiếp theo):

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Nguyệt	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tài	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Do	Giám đốc
Ông Phan Chí Trung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Thọ	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Hạnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Nguyễn Văn Do	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
-------------------	--

4. Các thông tin khác:

5. Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

6. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Chí Trung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: B0917337-R/AISC-DN2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

Kính gửi :

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Dương Thị Phương Anh
Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Nguyễn Thị Phương Thùy
Số GCNĐKHNKT: 1871-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.178.021.938	50.658.942.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	92.550.956.560	45.442.854.046
1. Tiền	111		1.050.956.560	1.442.854.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.500.000.000	44.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.124.673.924	2.857.381.054
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.357.761.217	2.352.008.633
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	900.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	894.947.787	533.407.501
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(28.035.080)	(28.035.080)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		502.391.454	896.573.697
1. Hàng tồn kho	141	V.5	502.391.454	896.573.697
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.462.133.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.462.133.500
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.655.749.678	32.937.683.389
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.000.000.000	1.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.4b	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		31.002.799.992	32.937.683.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	11.779.681.512	13.062.933.769
- Nguyên giá	222		30.662.658.458	33.768.135.676
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.882.976.946)	(20.705.201.907)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	19.223.118.480	19.874.749.620
- Nguyên giá	228		20.091.960.000	20.091.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.841.520)	(217.210.380)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.652.949.686	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	2.652.949.686	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		129.833.771.616	83.596.625.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.804.788.872	57.120.488.465
I. Nợ ngắn hạn	310		67.804.788.872	57.120.488.465
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	151.173.530	211.084.150
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	584.412.309	323.815.976
4. Phải trả người lao động	314		3.545.007.838	3.693.539.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	40.500.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	60.104.087.100	50.136.061.208
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.379.608.095	2.755.988.095
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


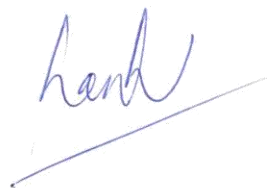
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.028.982.744	26.476.137.221
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	62.028.982.744	26.476.137.221
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.756.674.425	5.756.674.425
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.272.308.319	8.719.462.796
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.319.462.796	4.178.711.126
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.952.845.523	4.540.751.670
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		129.833.771.616	83.596.625.686

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


Trần Thành Quân Triết

Trần Thị Hạnh

Nguyễn Văn Do

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.353.681.071	49.108.634.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.010.909	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.348.670.162	49.108.634.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.729.565.442	36.221.755.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.619.104.720	12.886.878.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.121.435.175	1.690.728.974
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.861.029.241	6.554.674.868
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.879.510.654	8.022.933.017
11. Thu nhập khác	31	VI.5	40.412.954.000	677.830.271
12. Chi phí khác	32		-	97.054.241
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		40.412.954.000	580.776.030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.292.464.654	8.603.709.047
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	10.058.492.931	1.720.741.809
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.233.971.723	6.882.967.238
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	32.695	4.902
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	32.695	4.902

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Trần Thành Quân Triết

Trần Thị Hạnh

Nguyễn Văn Do

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.292.464.654	8.603.709.047
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	1.966.701.579	1.199.372.845
- Các khoản dự phòng	03		-	28.035.080
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.121.435.175)	(1.690.728.974)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(1.000.000.000)	(1.142.215.568)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.137.731.058	6.998.172.430
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(41.986.285.570)	(2.528.673.922)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		394.182.243	21.158.684
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		729.549.285	(494.888.325)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.103.741.809)	(1.560.314.031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000.000	50.000.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.171.435.207	52.435.454.836
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.584.767.868)	(31.492.845.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		44.000.000.000	262.727.271
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.121.435.175	1.690.728.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.536.667.307	(29.539.389.210)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của Chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	47.108.102.514	19.296.065.626
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.442.854.046	26.146.788.420
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1 92.550.956.560	45.442.854.046

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thành Quân Triết

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Hạnh

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Do

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06/10/2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In số 4 thành Công ty Cổ phần In số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/04/2005. Công ty đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300462580 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2012; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện số 189/GCN do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/11/2012; Giấy phép hoạt động ngành in do Cục Xuất bản cấp ngày 28/10/2005.

Trụ sở chính: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty:**

Chế bản, in sách, báo, tạp chí, xuất bản phẩm và các ấn phẩm khác, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017:** 144 nhân viên. (Ngày 31/12/2016: 153 nhân viên)**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty không thành lập các chi nhánh và chỉ có 01 trụ sở chính tọa lạc tại Quận 3, Tp.HCM.

Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8357465848 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM cấp cho dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần In số 4 tại Lô B2/1, đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong niên độ 2017, công ty đã và đang tiến hành việc di dời toàn bộ hệ thống quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty về địa điểm nêu trên.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất vé số dở dang

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Quyền sử dụng đất	31 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... bán trong kỳ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

11. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Công cụ tài chính (tiếp theo):**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

12. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

13. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	1.050.956.560	1.442.854.046
Tiền mặt	772.073.381	621.915.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	278.883.179	820.938.256
Các khoản tương đương tiền	91.500.000.000	44.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	91.500.000.000	44.000.000.000
Cộng	92.550.956.560	45.442.854.046

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.357.761.217	(28.035.080)	2.352.008.633	(28.035.080)
Khách hàng trong nước	1.357.761.217	(28.035.080)	2.352.008.633	(28.035.080)
- Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết & DVTH Đồng Nai	1.188.000.000	-	1.056.000.000	-
- Công ty TNHH TMDV Văn hóa Bảo Long	-	-	1.077.081.200	-
- Công ty TNHH Hồng Hưng	-	-	127.083.280	-
- Các khách hàng khác	169.761.217	(28.035.080)	91.844.153	(28.035.080)
Cộng	1.357.761.217	(28.035.080)	2.352.008.633	(28.035.080)
3. Trả trước cho người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	900.000.000	-	-	-
Nhà cung cấp trong nước	900.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	900.000.000	-	-	-
Cộng	900.000.000	-	-	-
4. Phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	894.947.787	-	533.407.501	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	60.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi	836.250.000	-	473.407.501	-
Phải thu khác	58.697.787	-	-	-
b. Dài hạn	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An (*)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	1.894.947.787	(1.000.000.000)	1.533.407.501	(1.000.000.000)

(*) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25/03/2008, tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009. Khoản đặt cọc này đang được Cục thi hành án tỉnh Long An thụ lý để tiến hành thi hành án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	232.173.638	-	519.195.089	-
Công cụ, dụng cụ	6.511.966	-	8.756.608	-
Chi phí SX, KD dở dang	263.705.850	-	368.622.000	-
Cộng	502.391.454	-	896.573.697	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

6. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	2.652.949.686	-	-	-
Cải tạo nhà xưởng, văn phòng KCN Vĩnh Lộc	2.652.949.686	-	-	-
Cộng	2.652.949.686	-	-	-

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.857.233.400	16.841.662.335	2.069.239.941	33.768.135.676
Mua trong năm	-	31.818.182	-	31.818.182
Thanh lý, nhượng bán	(3.137.295.400)	-	-	(3.137.295.400)
Số dư cuối năm	11.719.938.000	16.873.480.517	2.069.239.941	30.662.658.458
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.622.660.732	14.882.041.009	1.200.500.166	20.705.201.907
Khấu hao trong năm	520.401.996	629.194.203	165.474.240	1.315.070.439
Thanh lý, nhượng bán	(3.137.295.400)	-	-	(3.137.295.400)
Số dư cuối năm	2.005.767.328	15.511.235.212	1.365.974.406	18.882.976.946
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	10.234.572.668	1.959.621.326	868.739.775	13.062.933.769
Số dư cuối năm	9.714.170.672	1.362.245.305	703.265.535	11.779.681.512

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.854.227.549 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	20.091.960.000	20.091.960.000
Số dư cuối kỳ	20.091.960.000	20.091.960.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	217.210.380	217.210.380
Khấu hao trong kỳ	651.631.140	651.631.140
Số dư cuối kỳ	868.841.520	868.841.520
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	19.874.749.620	19.874.749.620
Số dư cuối kỳ	19.223.118.480	19.223.118.480

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

9. Phải trả người bán

	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn	151.173.530	211.084.150
Nhà cung cấp trong nước	151.173.530	211.084.150
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	39.567.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Lợi Liên Hưng	15.750.000	-
Công ty TNHH TM SX DV Viễn Thái	19.628.400	41.133.400
Công ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	32.498.400	12.936.000
Công ty TNHH Giấy Tân Sanh	23.137.730	13.292.950
Công ty Cổ phần Địa sinh	18.315.000	57.013.000
Công ty TNHH TM SX Vĩnh Tường Phát	-	36.375.000
Công ty TNHH Dây thun Tân Vinh Phát	-	21.120.000
Các nhà cung cấp khác	2.277.000	29.213.800
Cộng	151.173.530	211.084.150

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	5.709.009.954	5.458.685.033	250.324.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.741.809	10.058.492.931	10.103.741.809	248.492.931
Thuế thu nhập cá nhân	30.074.167	143.055.807	87.535.517	85.594.457
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.327.153.866	1.327.153.866	-
Các loại thuế khác	-	138.029.374	138.029.374	-
Cộng	323.815.976	17.237.712.558	16.977.116.225	584.412.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2017	01/01/2017
11. Chi phí phải trả		
Ngắn hạn	40.500.000	-
Chi phí gia công vé số	40.500.000	-
Cộng	40.500.000	-
12. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	4.087.100	35.235.150
Bảo hiểm xã hội	-	826.058
Cty CP Mỹ Nghệ Tổng Hợp Xuất Khẩu (*)	60.000.000.000	50.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	60.104.087.100	50.136.061.208

(*) Là khoản Công ty CP In Số 4 nhận đặt cọc của Công ty CP Mỹ Nghệ Tổng hợp Xuất khẩu tại ngày 01/07/2016 theo Biên bản ghi nhớ số 01/BBGN/MNTH-IN4 ngày 30/06/2016 về việc Công ty CP In 4 sẽ chuyển nhượng toàn bộ tài sản cố định trên đất tại số 61 Phạm Ngọc Thạch - Phường 6 - Quận 3 - TP.HCM và nhận hỗ trợ chi phí di dời từ Công ty CP Mỹ Nghệ Tổng hợp Xuất khẩu.

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	5.756.674.425	6.578.711.126	24.335.385.551
Lợi nhuận	-	-	6.882.967.238	6.882.967.238
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Giảm khác	-	-	(142.215.568)	(142.215.568)
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	5.756.674.425	8.719.462.796	26.476.137.221
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	5.756.674.425	8.719.462.796	26.476.137.221
Lợi nhuận	-	-	40.233.971.723	40.233.971.723
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Giảm khác	-	-	(81.126.200)	(81.126.200)
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	5.756.674.425	44.272.308.319	62.028.982.744

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty Văn hóa Sài Gòn)	45%	5.400.000.000	5.400.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	55%	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	100%	12.000.000.000	12.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu công in và bán giấy	44.353.681.071	49.108.634.286
Cộng	44.353.681.071	49.108.634.286
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, hàng hóa đã bán	31.729.565.442	36.221.755.375
Cộng	31.729.565.442	36.221.755.375
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi	4.121.435.175	1.690.728.974
Cộng	4.121.435.175	1.690.728.974
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên	3.369.789.738	3.245.921.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	399.880.872	214.446.298
Thuế, phí, lệ phí	1.570.151.640	1.299.513.153
Chi phí dự phòng	-	28.035.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.685.815	68.652.456
Chi phí bằng tiền khác	1.492.521.176	1.698.106.401
Cộng	6.861.029.241	6.554.674.868
5. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	40.000.000.000	262.727.271
Giấy, mực tiết kiệm	412.954.000	415.103.000
Cộng	40.412.954.000	677.830.271

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2017	Năm 2016
6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.294.836.890	9.853.579.976
Chi phí nhân công	21.307.421.468	22.166.648.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.966.701.579	1.199.372.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.350.346.939	2.169.277.237
Chi phí khác bằng tiền	6.566.371.657	7.517.543.018
Cộng	38.485.678.533	42.906.421.372
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.058.492.931	1.720.741.809
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.058.492.931	1.720.741.809
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40.233.971.723	6.882.967.238
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.233.971.723	5.882.967.238
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.695	4.902
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.233.971.723	5.882.967.238
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	39.233.971.723	5.882.967.238
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.200.000	1.200.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.200.000	1.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.695	4.902
10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính		
Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.		
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:		
10.1 Rủi ro thị trường		
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biên số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+200	1.851.019.131
VND	-200	(1.851.019.131)
Năm trước		
VND	+100	454.428.540
VND	-100	(454.428.540)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	151.173.530	-	-	151.173.530
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	100.000.000	-	-	100.000.000
	251.173.530	-	-	251.173.530
Ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán	211.084.150	-	-	211.084.150
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	100.000.000	-	-	100.000.000
	311.084.150	-	-	311.084.150

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 27)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2017	Năm 2016
Lương và thưởng	1.602.558.099	1.610.180.509

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực in gia công, không có bất kỳ chi nhánh nào. Trụ sở của Công ty tọa lạc ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thành Quân Triết

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Hạnh

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2018



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Do

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
- Phải thu khách hàng	1.357.761.217	(28.035.080)	2.352.008.633	(28.035.080)	1.329.726.137
- Phải thu khác	1.894.947.787	(1.000.000.000)	1.533.407.501	(1.000.000.000)	894.947.787
- Tiền và các khoản tương đương tiền	92.550.956.560	-	45.442.854.046	-	92.550.956.560
TỔNG CỘNG	95.803.665.564	(1.028.035.080)	49.328.270.180	(1.028.035.080)	94.775.630.484
Nợ phải trả tài chính					
- Phải trả người bán	151.173.530	-	211.084.150	-	151.173.530
- Phải trả khác	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000
TỔNG CỘNG	251.173.530	-	311.084.150	-	251.173.530
					311.084.150

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

